

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2024

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Kim Tuyền

2. Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19/02/2024, tại Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ A, KP . P, P.A, TX . B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Hồ Văn K, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ F, KP . Tàu Ô, TT.Tân Khai, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968 và ông Đỗ Quốc S, sinh năm 1968

Địa chỉ: phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước .Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại bản tự khai ngày 23/10/2023, nguyên đơn chị Võ Thị Tuyết M trình bày:

Chị M với anh Hồ Văn K sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước năm 2009. Cả hai sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh K chỉ lo chơi bời, bỏ bê không quan tâm đến gia đình khiến cho vợ chồng thường

xuyên cãi nhau. Từ năm 2020, chị M và anh K đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh K.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung Hồ Thị Như Ý, sinh ngày 23/4/2008 và Hồ Gia H, sinh ngày 01/12/2010. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2023, anh Hồ Văn K trình bày như sau:
Anh K với chị M chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì anh K phải đi thi hành án tại Trại giam T nên từ năm 2020 đến nay cả hai đã không còn chung sống với nhau, trong quá trình chung sống giữa anh K và chị M không có mâu thuẫn gì. Do chị M nghe tin anh K có con riêng nên yêu cầu ly hôn với anh K. Anh K không đồng ý ly hôn.

Anh K và chị M có 02 con chung là Hồ Thị Như Ý, sinh năm 2008 và Hồ Gia H sinh năm 2010. Khi ly hôn, anh K yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: hai vợ chồng có vay của bà Nguyễn Thị C số tiền 100.000.000đ từ năm 2014, anh K đồng ý trả khoản nợ này cho bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C và ông Đỗ Quốc S không đến Tòa làm việc nên không thu thập được ý kiến của bà C, ông S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị M và anh K, giao 02 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh K cư trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị M, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, và đều có đơn xin vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt chị M, anh K theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị M thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các bên cùng giấy chứng nhận kết hôn, thấy rằng: Chị M, anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước vào năm 2009. Đây là hôn nhân hợp pháp. Mặc dù anh K cho rằng hai vợ chồng không có mâu thuẫn và không đồng ý ly hôn nhưng chị M cho rằng hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh K chỉ lo chơi bời, bỏ bê không quan tâm đến gia đình khiến cho vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Cả hai đều thừa nhận từ năm 2020, anh K đi thi hành án tại Trại giam T nên đã không còn chung sống từ đó cho đến nay. Xét thấy, giữa hai vợ chồng không còn chung sống với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau một thời gian dài, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không cần thiết kéo dài cuộc hôn nhân này. Yêu cầu ly hôn của chị M về việc ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị M và anh K có 02 con chung là Hồ Thị Như Ý, sinh ngày 23/4/2008 và Hồ Gia H, sinh ngày 01/12/2010. Xét thấy cả 02 con chung hiện đang do chị M trực tiếp chăm sóc, anh K đang phải thi hành án tại trại giam nên không thể đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, cả 02 cháu Ý và cháu H đều có nguyện vọng muốn được ở chung với chị M. Vì vậy, để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dạy con chung cần giao 02 con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh K cho rằng có nợ tiền của vợ chồng bà C nhưng không cung cấp được giấy tờ chứng minh, bà C và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần tách ra thành một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu, không xem xét trong vụ án này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Tuyết M.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Tuyết M và anh Hồ Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 139 ngày 03/9/2009 của Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung Hồ Thị Như Ý, sinh ngày 23/4/2008 và Hồ Gia H, sinh ngày 01/12/2010 cho chị Võ Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Tách ra thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Võ Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014761 ngày 22/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải